

Số: /KH-UBND

Kỳ Lạc, ngày

tháng 7 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Cải cách hành chính xã Kỳ Lạc năm 2025**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

1.1. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính (CCHC) của cơ quan, đơn vị, tạo đột phá trong CCHC năm 2025. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC, đảm bảo phù hợp, hiệu quả trong thực hiện CCHC với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1.2. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030<sup>1</sup> của Chính phủ, của Tỉnh; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU).

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm vào cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Yêu cầu**

2.1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành đúng thời gian quy định và bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

2.2. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với tình hình thực tiễn.

2.3. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác bình xét thi đua, khen thưởng.

## **II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

### *1. Chỉ đạo điều hành CCHC*

1.1. UBND xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2025.

1.2. Tối thiểu 35% phòng chuyên môn được kiểm tra CCHC trong năm 2025; UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC các phòng chuyên môn, đảm bảo thực chất và đúng quy định.

1.3. Phấn đấu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC tỉnh.

### *2. Cải cách thể chế*

2.1. Phấn đấu 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phấn đấu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của Tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

### *3. Cải cách thủ tục hành chính*

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: 95% số hồ sơ tiếp nhận

3.2. 90% TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được triển khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

3.3. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch của dịch vụ công đạt tối thiểu 70%.

3.4. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết TTHC đạt tối thiểu 70%.

3.5. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai.

3.6. Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của xã được đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%;

3.7. Tỷ lệ nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số đạt 100%;

3.8. Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện tại xã đạt 100%;

3.9. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên. Phấn đấu trong 06 tháng cuối năm tổ chức ít nhất từ 01 đến 02 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND xã với người dân, doanh nghiệp, hợp

tác xã.

#### 4. *Cải cách tổ chức bộ máy*

4.1. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4.2. 100% các phòng chuyên môn được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp trên với cấp dưới; khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng, ban trong hệ thống hành chính nhà nước.

#### 5. *Cải cách chế độ công vụ*

5.1. 90% cán bộ, công chức cấp xã khối chính quyền có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

#### 6. *Cải cách tài chính công*

6.1. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 so với năm trước liền kề (không bao gồm quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

6.2. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với năm trước liền kề.

6.5. Tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%.

#### 7. *Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số*

7.1. 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.

7.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp.

7.3. Chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất, liên thông.

7.4. Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; hệ thống thông tin theo cấp độ của cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn.

7.5. Thực hiện lập hồ sơ điện tử trên phần mềm Hồ sơ công việc đảm bảo 100% hồ sơ công việc tại xã (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước và hồ sơ có thành phần tài liệu phức tạp như khổ giấy lớn hoặc đóng quyền dày...).

7.6. 100% Quyết định công bố Danh mục TTHC và Quyết định phê duyệt quy

trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

7.7. Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu.

7.8. Thực hiện rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG**

#### **1. Công tác triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính**

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy, Đề án của UBND tỉnh và các nội dung liên quan.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu trong CCHC.

- Thủ trưởng cơ quan tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ CCHC nhà nước năm 2025. Kịp thời ban hành và triển khai kế hoạch CCHC đảm bảo đầy đủ nội dung công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác đối thoại của người đứng đầu với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Tăng cường đổi mới, đa dạng hóa hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC, như: trong việc thông tin, tuyên truyền CCHC; thông qua các cuộc họp giao ban, trên Trang thông tin điện tử, các nền tảng truyền thông mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, đội ngũ tuyên truyền viên; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các phòng, ban trong đó kết hợp kiểm tra kết quả tổ chức, triển khai công tác CCHC của các phòng, ban qua các ứng dụng, phần mềm liên quan về CCHC. Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

#### **2. Cải cách thể chế**

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu

phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 03/7/2025 của Tỉnh ủy.

- Thường xuyên, chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để phát hiện, kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để báo cáo cấp tỉnh đưa thể chế, văn bản QPPL pháp luật của tỉnh trở thành lợi thế cạnh tranh.

- Thực hiện nghiêm quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật sau khi được cấp trên ban hành, nhất là các cơ chế, chính sách nhằm phát hiện bất cập, vướng mắc trong các quy định tại các văn bản QPPL, từ đó kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp. Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương nhằm tháo gỡ kịp thời vướng mắc có nguyên nhân từ quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong xã hội.

- Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và tổ chức thi hành pháp luật.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC; bảo đảm công tác CCHC được triển khai một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ

hành chính công xã. Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết chính quyền 02 cấp được giải quyết đúng quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù hoặc được UBND tỉnh cho phép thực hiện tại cơ quan, đơn vị). Đảm bảo Trung tâm Phục vụ hành chính công xã hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Rà soát, công bố danh mục TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh, cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang bộ công bố TTHC; điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn.

- Bảo đảm 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ, hoàn thành trong năm 2025.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giải quyết; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ...

- Triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành, thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trong quá trình tiếp nhận, xử lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, thông tin người dùng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận lợi, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật

- Tham gia tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm soát, cải cách TTHC tại UBND xã.

#### **4. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan tỉnh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới trên cơ sở quy định pháp luật và Văn bản hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương, của tỉnh.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, loại bỏ các khâu trung gian để tổ chức, sắp xếp bộ máy đảm bảo tinh gọn.

#### **5. Cải cách chế độ công vụ**

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công

khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CĐ-TTg và số 968/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 theo kế hoạch.

## **6. Cải cách tài chính công**

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP).

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

## **7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và áp dụng ISO**

### **7.1. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo các mục tiêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các văn bản có liên quan; Chương trình hành động số 42-CT/TU ngày 10/4/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 10/5/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số DTI của xã.

- Tham gia học các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực quan trọng: Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội, ... Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ y tế thông minh, giáo dục thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt, hoá đơn điện tử, chữ ký số công cộng, thuê hệ thống ứng dụng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, ...

## **7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan, đơn vị**

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015.

- Tiếp tục soát xét, thẩm định danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan. Phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra cải cách hành chính để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Tham gia tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về xây dựng, áp dụng, kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị.

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện **theo Phụ lục kèm theo.**

## **V. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định về phân cấp ngân sách và các quy định khác. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06**

- Căn cứ Kế hoạch của UBND xã, tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì thực hiện các lĩnh vực, nội dung của xã về CCHC; chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này và theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tiểu Ban Chỉ đạo CCHC xã đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC.

### **2. Chủ tịch UBND xã**



2.1 Tổ chức thực hiện các nội dung CCHC theo kế hoạch. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, đồng thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

2.2. Thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện CCHC; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

2.4. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo quy định.

2.5. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức tại các lĩnh vực đất đai, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, y tế, bảo hiểm xã hội... nội dung của Chỉ số PARINDEX, SIPAS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2.6. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, tổ chức và đảm bảo thực chất, hiệu quả. Định kỳ hàng quý có báo cáo kết quả lấy ý kiến đánh giá phục vụ công tác chỉ đạo điều hành CCHC của người đứng đầu cơ quan.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với cơ quan đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

### **3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xã**

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân

dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp.

- Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ (b/c);
- TTr Đảng ủy, TTr HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Lưu: VT./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Anh Ngọc**

**PHỤ LỤC**  
**KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Kỳ Lạc)*

| TT       | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                            | 2- Nhiệm vụ                                                                         | 3- Hoạt động                                                                                                                                 | 4- Kết quả, sản phẩm                            | 5- Chủ trì                   | 6- Phối hợp                             | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí           |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>I</b> | <b>CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CCHC</b>                                                                                                             |                                                                                     |                                                                                                                                              |                                                 |                              |                                         |                         |                       |
| 1        | 1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của xã | 2.1. Ban hành Kế hoạch CCHC 06 tháng cuối năm 2025 của xã                           | 3.1. Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ<br>3.2. Tổng hợp và xin ý kiến, hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND xã ban hành | Văn bản và các dự thảo kèm theo                 | Phòng VHXX                   | Các phòng chủ trì CCHC của xã           | Ngày 25/7/2025          |                       |
|          |                                                                                                                                                          | 2.2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC và các chỉ số liên quan năm 2025 | 3.3. Xây dựng, ban hành kế hoạch                                                                                                             | Kế hoạch                                        | Phòng VHXX                   | Các phòng chủ trì CCHC của xã           | Tháng 07/2025           |                       |
|          |                                                                                                                                                          |                                                                                     | 3.4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền                                                                                                 | Các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú   | Phòng VHXX                   | Các phòng chủ trì CCHC của xã, các thôn | Thường xuyên            |                       |
|          |                                                                                                                                                          | 2.3. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết                                          | 3.5. Các văn bản triển khai các hội nghị                                                                                                     | Công văn, báo cáo, giấy mời, thông báo kết luận | Phòng VHXX                   | Các cơ quan chủ trì CCHC của xã         | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |
| 2        | 1.3. Phân đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có                                                                            | 2.4. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về                           | 3.6. Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực                                                                                   | Các sáng kiến, giải pháp                        | Các cơ quan chủ trì các lĩnh | Cơ quan, đơn vị liên quan               | Thường xuyên            |                       |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                        | 2- Nhiệm vụ                                                                                                                         | 3- Hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4- Kết quả, sản phẩm                                                                                      | 5- Chủ trì   | 6- Phối hợp                                                         | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|    | hiệu quả đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC tỉnh                            | CCHC                                                                                                                                | tiền                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                           | vực CCHC xã; |                                                                     |                         |                       |
| 3  | 1.4. Tối thiểu 35% cơ quan chuyên môn được kiểm tra CCHC trong năm 2025              | 2.5. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU) | 3.7. Ban hành Kế hoạch Kiểm tra CCHC<br>3.8. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các phòng chuyên môn<br>3.9. Biên bản kiểm tra các phòng chuyên môn<br>3.10. Báo cáo kết quả kiểm tra<br>3.11. Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra | Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các phòng chuyên môn, Văn bản chỉ đạo | Phòng VHXX   | Các cơ quan chủ trì CCHC của xã, các phòng chuyên môn được kiểm tra | Quý III/2025            | Theo dự toán được cấp |
| 4  |                                                                                      |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                           |              |                                                                     |                         |                       |
| 5  | 1.6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC         | 2.6. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức                                               | 3.12. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                           |              | Các công chức chuyên môn liên quan                                  | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |
| 6  | 1.7. Tham quan học tập kinh nghiệm CCHC tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh | 2.7. Tổ chức học tập kinh nghiệm CCHC tại một số tỉnh, thành phố                                                                    | 3.13. Các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                           | Phòng VHXX   |                                                                     | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |

| TT        | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                                                                                                                                                      | 2- Nhiệm vụ                                                                                                                      | 3- Hoạt động                                                                                            | 4- Kết quả, sản phẩm                                                              | 5- Chủ trì          | 6- Phối hợp                 | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>II</b> | <b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                  |                                                                                                         |                                                                                   |                     |                             |                         |                       |
| 1         | 1.1. Phân đấu 100% các nội dung Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương, HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao triển khai, thực hiện kịp thời | 2.1. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật để góp ý xây dựng các văn bản do Trung ương, tỉnh giáo                                   | 3.14. Rà soát và lập danh mục nội dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương, tỉnh | Danh mục                                                                          | Văn phòng HĐND-UBND | Các phòng, ban, đoàn thể xã | Thường xuyên            | Theo dự toán được cấp |
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                  | 3.15. Đề xuất khó khăn, góp ý các dự thảo văn bản                                                       | Các văn bản QPPL                                                                  | Văn phòng HĐND-UBND | Các phòng, ban, đoàn thể xã | Thường xuyên            | Theo dự toán được cấp |
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                  | 3.16. Tham mưu kịp thời, có chất lượng các văn bản được Trung ương, tỉnh giao.                          | Văn bản góp ý, đề xuất                                                            | Văn phòng HĐND-UBND | Các phòng, ban, đoàn thể xã | Thường xuyên            |                       |
|           | 1.2. Phân đấu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả                                                                                                                                                                                 | 2.2.Kiểm tra công tác TDTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã<br>2.3. Tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản QPPL | 3.17.Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành                                                                 | - Thành lập đoàn kiểm tra<br>- Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, tổ chức | Văn phòng HĐND-UBND | Các phòng, ban, đoàn thể xã | Quý IV năm 2025         | Theo dự toán được cấp |
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                  | 3.18.Triển khai kịp thời các văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh và                                   | Tổ chức hội nghị triển khai hoặc                                                  | Văn phòng HĐND-UBND | Các phòng, ban, đoàn thể xã | Thường xuyên            | Theo dự toán được     |

| TT         | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                                                        | 2- Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                  | 3- Hoạt động                                                                                              | 4- Kết quả, sản phẩm                                                                      | 5- Chủ trì              | 6- Phối hợp            | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
|            |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                              | địa phương thuộc lĩnh vực mình.                                                                           | Công văn                                                                                  |                         |                        |                         | cấp         |
| <b>III</b> | <b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                           |                                                                                           |                         |                        |                         |             |
| 1          | 1.1. Bố trí Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để phục vụ người dân, doanh nghiệp đảm bảo thông suốt, hiệu quả, không gián đoạn, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp | 2.1. Chuẩn hóa mô hình tổ chức, nhân sự, quy trình vận hành và bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã theo hướng dẫn của cấp trên, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp | 3.1. Triển khai kịp thời theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền                                         | Trung tâm Phục vụ hành chính công xã phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, hiệu quả | Trung tâm HCC xã        | Văn phòng HĐND-UBND xã | Tháng 7/2025            |             |
| 2          | 1.2. Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC                                                                                          | 2.2. Xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hoặc Quyết định UBND có quy định TTHC                                                                                                                                                                                  | 3.2. Triển khai đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ TTHC; lấy ý kiến Văn phòng UBND xã về TTHC. | Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC, Văn bản cho ý kiến về TTHC                               | Các phòng chuyên môn xã | Văn phòng HĐND-UBND xã | Thường xuyên            |             |
| 3          | 1.3. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai;                                                                                         | 2.3. Rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính                                                                                                                                                                            | 3.3. Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan                                          | Biểu mẫu rà soát, báo cáo                                                                 | Các phòng chuyên môn xã | Văn phòng HĐND-UBND xã | Thường xuyên            |             |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                              | 2- Nhiệm vụ                                                                                                                        | 3- Hoạt động                                                                                                                                                                           | 4- Kết quả, sản phẩm                                                            | 5- Chủ trì              | 6- Phối hợp            | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
|    | rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ để cắt giảm 20% quy định và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ                                             | nhà nước.                                                                                                                          | đến TTHC nội bộ; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.                                                                                                                                | đơn giản hóa TTHC, Quyết định phê duyệt                                         |                         |                        |                         |             |
| 4  | 1.4. 100% TTHC được công bố, công khai sau khi Bộ, ngành công bố TTHC liên quan                                                            | 2.4.Công bố các TTHC                                                                                                               |                                                                                                                                                                                        | Quyết định công bố TTHC                                                         | Trung tâm HHC xã        |                        | Thường xuyên            |             |
| 5  | 1.5. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đạt tỷ lệ 95% số hồ sơ tiếp nhận | 2.5. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã | 3.4. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã<br>3.5. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế | Tỷ lệ số hóa theo quy định                                                      | UBND xã                 | Văn phòng UBND xã      | Thường xuyên            |             |
| 6  | 1.6. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%.    | 2.6. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh         | 3.6. Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết                                                             | - Báo cáo rà soát<br>- Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC | Các phòng chuyên môn xã | Văn phòng HĐND-UBND xã | Thường xuyên            |             |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                                      | 2- Nhiệm vụ                                                                                  | 3- Hoạt động                                                                                                                                                                                                                | 4- Kết quả, sản phẩm                                                                                                                | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp       | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------|-------------------------|-------------|
|    | - Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%.                                                                                                                   | 2.7. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình                                              | của xã<br>3.7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp | Quốc gia<br><br>- Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình, một phần<br>- Giao diện phần mềm DVC đạt yêu cầu                       |            |                   |                         |             |
| 7  | 1.7. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 70% | 2.8. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính | 3.8. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để hỗ trợ thanh toán trực tuyến trong phần mềm dịch vụ công<br>3.9. Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực        | - Giải pháp kỹ thuật đáp ứng giao dịch và thanh toán trực tuyến<br>- Biểu mẫu rà soát thống kê<br>- Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài | UBND xã    | Văn phòng UBND xã | Thường xuyên            |             |



| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                           | 2- Nhiệm vụ                                                                  | 3- Hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4- Kết quả, sản phẩm                                   | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp       | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------|-------------------|-------------------------|-------------|
|    |                                                                                         |                                                                              | tuyển và giao dịch trực tuyến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến |            |                   |                         |             |
| 8  | 1.8. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên. | 2.9. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC | <p>3.10. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã;</p> <p>3.11. Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực</p> <p>3.12. Tham gia các lớp tập huấn liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ tiếp nhận và trả kết quả tại Trung</p> | Báo cáo;                                               | UBND xã    | Văn phòng UBND xã | Thường xuyên            |             |

| TT        | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                     | 2- Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                       | 3- Hoạt động                                     | 4- Kết quả, sản phẩm                   | 5- Chủ trì        | 6- Phối hợp                      | 7- Thời gian hoàn thành            | 8- Kinh phí |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------|
|           |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                   | tâm Phục vụ hành chính công.                     |                                        |                   |                                  |                                    |             |
| 9         | 1.9. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC                                                                       | 2.10. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến                                                                                                                                              | 3.13. Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra | Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra | Văn phòng UBND xã | UBND cấp xã                      | Thường xuyên                       |             |
| 10        | 1.10. Tăng cường công tác đối thoại của lãnh đạo UBND xã với người dân, doanh nghiệp (phần đầu ít nhất từ 01 đến 02 cuộc trong 06 tháng cuối năm) | 2.11. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn                                                                                                                                                                                                                    | 3.14. Xây dựng kế hoạch đối thoại                | Kế hoạch, giấy mời, thông báo          | Văn phòng UBND xã | Các cơ quan chuyên môn liên quan | 06 tháng cuối năm 2025             |             |
| <b>IV</b> | <b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                  |                                        |                   |                                  |                                    |             |
| 1         |                                                                                                                                                   | 2.1 Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại thực chất cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế đúng đối tượng (những cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị |                                                  | Văn bản đơn đốc/hướng dẫn              | Phòng VHXXH       | Các phòng chuyên môn liên quan   | Theo lộ trình đề án được phê duyệt |             |

| TT       | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                                                                                                 | 2- Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                | 3- Hoạt động                                                                    | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp          | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí           |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                               | trí việc làm đang đảm nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ, những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức). Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm |                                                                                 |                      |            |                      |                         |                       |
| <b>V</b> | <b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                 |                      |            |                      |                         |                       |
| 1        | 1.1. 90% cán bộ, công chức cấp xã khối chính quyền có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền) | 2.1 Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng                                                                                                                                                                                                     | 3.1 Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCC | Kế hoạch             | Phòng VHXX | Các phòng chuyên môn | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |
| 2        |                                                                                                                                                                                                                               | 2.2 Tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ,                                                                                                                                    |                                                                                 |                      |            | Các phòng chuyên môn | Năm 2025                |                       |

| TT        | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                             | 2- Nhiệm vụ                                                                                                  | 3- Hoạt động                             | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì    | 6- Phối hợp                                        | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------|---------------|----------------------------------------------------|-------------------------|-------------|
|           |                                                                                                           | nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin                               |                                          |                      |               |                                                    |                         |             |
| <b>VI</b> | <b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>                                                                            |                                                                                                              |                                          |                      |               |                                                    |                         |             |
| 1         | 1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN; vốn thực hiện các đề án, chính sách, Chương trình MTQG | 2.1 Hướng dẫn, đơn đốc, báo cáo                                                                              | 3.1. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc, báo cáo | Công văn             | Phòng kinh tế | Các phòng chuyên môn liên quan, các thôn, các ĐVSN | Năm 2025                |             |
| 2         | 1.2. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.         | 2.2 Báo cáo                                                                                                  | 3.2. Báo cáo                             | Công văn             | Phòng kinh tế | Các phòng chuyên môn liên quan, các thôn, các ĐVSN | Năm 2025                |             |
| 3         | 1.3. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị                                   | 2.3. Xây dựng quy chế quản lý tài sản công<br>2.4. Điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có) | 3.3. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc          | Công văn             | Phòng kinh tế | Các phòng chuyên môn liên quan, các thôn, các ĐVSN | Năm 2025                |             |

[illegible]

| TT  | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                                                                                                                                                              | 2- Nhiệm vụ                                                                                 | 3- Hoạt động                                                                                             | 4- Kết quả, sản phẩm                        | 5- Chủ trì        | 6- Phối hợp              | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1   | <b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị</b>                                                                                                                                                                                             |                                                                                             |                                                                                                          |                                             |                   |                          |                         |                       |
| 1.1 | 1.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp | 2.1 Tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT xã |                                                                                                          | Lớp đào tạo                                 |                   | Các Ban, phòng liên quan | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                            | 2.2 Tham gia tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC        |                                                                                                          |                                             |                   |                          | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |
| 1.2 | 1.5. 100% hồ sơ công việc tại cơ quan chuyên UBND xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).                                                                                                                |                                                                                             |                                                                                                          |                                             | Văn phòng UBND xã | Phòng VHXX               | Năm 2025                | Theo dự toán được cấp |
| 2   | <b>Áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị</b>                                                                                                                                                                                       |                                                                                             |                                                                                                          |                                             |                   |                          |                         |                       |
| 2.1 | 1.1. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015.                                                                                                                                                                   | 2.1. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn        | 3.1. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định. | duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu. | Phòng VHXX        | Các phòng chuyên môn     | Quý I-IV năm 2025       | Theo dự toán được cấp |

| TT  | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung                                                                                 | 2- Nhiệm vụ                                                                                              | 3- Hoạt động                                                                                                     | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| 2.2 | Thực hiện rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015. | 2.2. Rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015. | 3.2. Công bố áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định. |                      |            |             | Quý I-IV năm 2025       | Theo dự toán được cấp |